

NGHỊ QUYẾT

**Về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Sau khi xem xét Tờ trình số 371/TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Côn Đảo về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2018; Báo cáo thẩm tra của hai Ban HĐND huyện và các ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2018 của huyện Côn Đảo, với nội dung chính như sau:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn huyện: 307.203 triệu đồng. Trong đó điều tiết cho ngân sách huyện là 288.833 triệu đồng, bao gồm:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là 57.368 triệu đồng. Trong đó, điều tiết ngân sách huyện là 38.998 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh là 249.835 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01b kèm theo Nghị quyết này)

2. Tổng chi ngân sách địa phương (huyện): 288.833 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 75.163 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 208.007 triệu đồng.

- Dự phòng: 5.663 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02b kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Thống nhất với phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2018 như bảng thuyết minh chi ngân sách Nhà nước năm 2018 (kèm theo Báo cáo số 317/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017 và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2018).

Điều 3. HĐND huyện lưu ý UBND huyện tập trung vào những giải pháp sau:

- Tăng cường các biện pháp đôn đốc, kiểm tra chống thất thu, trốn thuế, nợ đọng thuế; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các sắc thuế, các nguồn thu nộp vào ngân sách theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện chi đầu tư phát triển để xây dựng cơ sở hạ tầng làm tiền đề cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chi tiêu của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định nhằm phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, UBND huyện trình xin ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND huyện và báo cáo HĐND huyện trong kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Giao UBND huyện Côn Đảo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND huyện và đại biểu HĐND huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Kỳ họp thứ Sáu HĐND huyện Côn Đảo khóa XI, thông qua ngày 22 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 ;
- TTr. HĐND, UBND tỉnh BR-VT;
- TTr. Huyện uỷ; UBND huyện ;
- Ban TTr. Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban, các ĐB.HĐND huyện ;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể;
- Đảng Cộng TTĐT của HĐND huyện ;
- Lưu: VT, TH, TC-KH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Minh Nhật

NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ.HĐND ngày 22/12/2017 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG THU	SỐ PHÂN GIAO	
		THU NSNN	THU NS HUYỆN
	TỔNG CỘNG	307.203	288.833
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	57.368	38.998
1	Số thu NQD từ các DN cổ phần hóa trong thời kỳ 2011 -2015		
2	Doanh nghiệp Trung ương	3.200	2.372
2.1	Thuế giá trị gia tăng	1.750	1.120
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	550	352
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
2.4	Thuế tài nguyên	900	900
3	Doanh nghiệp địa phương	10.000	6.688
3.1	Thuế giá trị gia tăng	8.200	5.248
3.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000	640
3.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
3.4	Thuế tài nguyên	800	800
4	Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	14.000	8.965
4.1	Thuế giá trị gia tăng	11.740	7.514
4.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.100	1.344
4.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	145	93
4.4	Thuế tài nguyên	15	15
5	Thu ngoài quốc doanh	16.650	10.739
5.1	Thuế giá trị gia tăng	14.000	8.960
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200	1.408
5.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	220	141
5.4	Thuế tài nguyên	230	230
6	Lệ phí trước bạ	700	700
7	Thuế thu nhập cá nhân	4.600	1.536
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
10	Tiền thuê đất	1.000	1.000
11	Phí, lệ phí	1.150	1.150
12	Thu tiền sử dụng đất	5.000	5.000
13	Thuế BVMT		
14	Thu khác ngân sách	1.068	848
	<i>Thu khác ngành thuế thực hiện</i>	220	

	<i>Thu khác ngân sách</i>	848	848
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	249.835	249.835
1	Bổ sung cân đối	247.182	247.182
2	Bổ sung có mục tiêu	2.653	2.653

NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN CÔN ĐẢO NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN	GHI CHÚ
	Tổng cộng	288.833	
I	Chi đầu tư phát triển	75.163	
1	Chi XDCB	57.158	
	- Chi XDCB từ nguồn tập trung	49.000	
	<i>Trong đó: Chi từ nguồn XSKT</i>	<i>14.000</i>	
	- Chi từ nguồn tiền sử dụng đất	5.000	
	- Chi đảm bảo mặt bằng dự toán 2016	1.071	
	- Chi từ nguồn tăng thu	2.087	
2	Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	18.005	
II	Chi thường xuyên	208.007	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	56.684	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Sự nghiệp môi trường	4.300	
	- Chi ứng dụng KHCN	110	
2	Sự nghiệp kinh tế khác	7.643	
3	Sự nghiệp VH TT, TDTT	4.866	
4	Sự nghiệp PTTH	4.473	
5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	38.464	
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>37.070</i>	
	<i>Chi đào tạo</i>	<i>1.394</i>	
6	Chi quản lý hành chính	57.119	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Chi QLNN	33.818	
	- Chi cơ quan Đảng	14.130	
	- Chi Đoàn thể, hội,..	9.171	
7	Chi đảm bảo xã hội	8.819	
8	Chi an ninh - quốc phòng	8.447	
	<i>Trong đó giao DT đầu năm:</i>		
	- Chi an ninh	2.048	
	- Chi quốc phòng	4.510	
9	Chi khác	6.178	(bao gồm CCTL phần còn thiếu sau khi UBND tỉnh giao tiết kiệm chi TX được tính trong chi hoạt động của các cơ quan, đơn vị)
10	Chi trợ giá	11.808	
	- Trợ giá nước	672	

	- <i>Trợ cước vận chuyển hành khách</i>	<i>11.136</i>	
11	Chi thi đua, khen thưởng	1.418	
12	Chi thực hiện nguồn cải cách tiền lương	2.088	
III	Dự phòng	5.663	